

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 69/2023/DS-ST
Ngày 13-7-2023
V/v tranh chấp về thực hiện
nghĩa vụ dân sự

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Thu Thảo
- Ông Nguyễn Hoàng Trung

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thanh An – Thư ký Toà án nhân dân huyện T Phước, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2023/TLST-DS ngày 12-01-2023, về tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ dân sự, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/QĐXXST-DS ngày 29-5-2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 59/8, đường D, Phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).
- Bị đơn:* Bà Võ Thị B, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu phố H, thị trấn C, huyện P, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15-11-2022, nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Sau khi có quyết định của Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa ông và bà Võ Thị B, ông nộp đơn tại Tòa án nhân dân huyện P khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của ông và bà B.

Tại phiên hòa giải do Tòa án tiến hành, ông và bà B thỏa thuận được với nhau về việc hai bên tự phân chia tài sản, trong đó có nội dung: bà B giao lại cho ông số tiền 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*) vào ngày 17-6-2022.

Sau đó, bà B có giao cho ông số tiền 30.000.000 đồng, còn lại 70.000.000 đồng bà B chưa giao cho ông.

Ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B giao cho ông số tiền 70.000.000 đồng (*bảy mươi triệu đồng*).

Trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Võ Thị B đã được Tòa án giao các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và cũng không có nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án Tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ dân sự; bị đơn là bà Võ Thị B cư trú tại huyện P, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn bà Võ Thị B được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông T, bà B.

[3]. Ông T khởi kiện yêu cầu bà B giao tiếp số tiền 70.000.000 đồng trong số tiền 100.000.000 đồng mà bà B và ông T thống nhất bà B sẽ giao cho ông T theo

biên bản hoà giải ngày 27-5-2022 của Toà án nhân dân huyện P. Ông T có cung cấp cho Tòa án bản sao biên bản hoà giải ngày 27-5-2022 của Tòa án.

[4]. Tòa án đã niêm yết đơn khởi kiện cùng các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện cho bà B, nhưng bà B không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông T. Hội đồng xét xử xác định bà B chỉ mới giao cho ông T số tiền 30.000.000 đồng, còn lại 70.000.000 đồng bà B chưa giao cho ông T.

[5]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 274, 275, 280 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông T được Tòa án chấp nhận, nên bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 274, 275, 280, 357 của Bộ luật Dân sự, Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T.

1. Buộc bà Võ Thị B giao cho ông Nguyễn Thanh T số tiền 70.000.000 đồng (*bảy mươi triệu đồng*).

2. Về án phí:

- Bà Võ Thị B phải chịu 3.500.000 đồng (*ba triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho ông Nguyễn Thanh T 1.750.000 đồng (*một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003381 ngày 05-01-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T Phước, tỉnh Tiền Giang.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Ông T, bà B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- + NĐ: (01);
- + BĐ: (01);
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND. H. Tân Phước;
- Chi cục THADS. H. Tân Phước;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Mai Thanh Liêm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA

